

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2025

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Lý và ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 215/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị D; sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1982; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang cư trú tại 215 Rothesay ave P, Hoa Kỳ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 chị và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu, yêu nhau, đến năm 2009 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 5 năm 2009 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 12 năm, đến năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách không dung hòa, thường xuyên xảy ra cãi vã, luôn bất đồng. Hai bên đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy giữa vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 30/3/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn T2, sinh ngày 01/4/2014.

Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện tốt để chăm sóc hai con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T, tuy nhiên anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị D. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Q, anh T hiện tại không có mặt tại địa phương. Ngày 30/8/2024, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn có Công văn số 847/CV-TA về việc yêu cầu Cục Q – Bộ C cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Văn T. Tại Công văn số 24085/QLXNC-P3 ngày 14/9/2024, Cục Q – Bộ C cung cấp thông tin anh Nguyễn Văn T đã xuất nhập cảnh nhiều lần (7 lượt), lần cuối xuất cảnh ngày 06/12/2021 qua cửa khẩu T3 bằng hộ chiếu số B6927771, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã chuyển thẩm quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết.

Ngày 22/01/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ, lấy lời khai của thân nhân anh Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn L (bố đẻ của anh T) và tiến hành xác minh nơi cư trú của anh T, cũng như các nội dung liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị D. Ông L cho biết: Anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu thì ông không rõ vì anh T không báo cho ông biết. thỉnh thoảng anh T có liên lạc về với gia đình để hỏi thăm sức khỏe. Về yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T thì ông không có ý kiến vì đó là hôn nhân của hai con. Ông cho biết chị D và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình; thời gian đăng ký thì ông không nhớ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại nhà riêng nên mâu thuẫn của vợ chồng cụ thể như thế nào thì ông không biết. Sau khi anh T đi nước ngoài cũng không báo cho ông biết mâu thuẫn của vợ chồng. Về con chung: Vợ chồng chị D, anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 30/3/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn T2, sinh ngày 01/4/2014; hiện nay các cháu đang ở với mẹ. Các cháu hiện tại đã lớn có nguyện vọng ở với ai là quyền của các cháu nên ông bà không có ý kiến. Về tài sản, nợ chung của vợ chồng chị D, anh T ông cũng không có ý kiến gì.

Sau khi được gia đình thông báo, ngày 05/4/2025, anh Nguyễn Văn T (địa chỉ mail: nguyenvanthanh301083@gmail.com) đã gửi bản tự khai và xin xét xử vắng mặt qua địa chỉ hộp thư điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình: quangbinh@toaan.gov.vn Ngày 16/4/2025, ông Nguyễn Văn L là bố của anh Nguyễn Văn T có đơn trình bày về việc anh T có gửi bản tự khai và xin xét xử vắng mặt về cho Tòa án qua hộp thư điện tử.

Tại bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 01/4/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh đã được chị D và gia đình thông báo về

việc khởi kiện của chị D, tuy nhiên do điều kiện anh đang làm việc ở nước ngoài nên không thể về để tham gia giải quyết, xét xử vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị D sau một thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng sau này giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ tháng 12 năm 2021 khi anh đi xuất khẩu lao động cho đến nay tại Hoa Kỳ thì giữa vợ chồng ít quan tâm, hỏi han nhau. Đến năm 2022, vợ chồng nảy sinh các mâu thuẫn, bất đồng do ít liên lạc. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, nên chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 30/3/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn T2, sinh ngày 01/4/2014. Hiện nay các con đang ở cùng với gia đình chị D. Do anh đang làm việc ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con nên sau ly hôn anh đồng ý giao hai con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Về nội dung: đề nghị xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giao hai con Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 30/3/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn T2, sinh ngày 01/4/2014 cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đương sự phải chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, thân nhân của bị đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hiện anh Nguyễn Văn T đang ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T; đồng thời tiến hành lập biên bản về việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Nguyễn Văn T tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Thông qua người thân, anh T biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị D và anh T. Do đó, anh Nguyễn Văn T gửi văn bản, ý kiến qua địa chỉ hộp thư điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình: quangbinh@toaan.gov.vn được ông L xác nhận. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 5 năm 2009 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận, thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng nảy sinh các mâu thuẫn, do tính cách không dung hòa, bất đồng quan điểm, ít liên lạc và đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị D xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị D, anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 30/3/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn T2, sinh ngày 01/4/2014; hiện tại đang ở cùng chị D và nhà ngoại. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và cam đoan có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các cháu. Anh T cũng nhất trí giao cả hai con cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại anh T đang lao động và sinh sống ở nước ngoài. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Hoàng Thanh T1 và cháu Nguyễn Hoàng Tuấn T2 muốn được ở cùng với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cả hai con cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đảm bảo nguyện vọng của mỗi bên.

Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và anh T cũng nhất trí, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của chị D, anh T. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung*: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý

và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 30/3/2011 và Nguyễn Hoàng Tuấn T2, sinh ngày 01/4/2014 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số BLTU/23/0003371 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Chị đã nộp đủ.

5. Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; chị Hoàng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Quảng Văn;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn

